MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Để biến Nghị định, Đạo dụ cải lương hương chính thành điều khoản của hương ước làng xã, chính quyền thực dân đã ban hành một mẫu hương ước chung và bắt buộc các xã thôn phải thực hiện. Những bản hương ước được soạn thảo vào thời gian đó, theo yêu cầu của chính quyền thực dân, mang tinh thần của cải lương hương chính được nhiều người gọi với cái tên là *hương ước cải lương*.

Cho đến nay, đã xuất hiện một số nghiên cứu cụ thể về hương ước Bắc Ninh nhưng chưa phản ánh đầy đủ về chính sách cải lương hương chính thí điểm, về đặc điểm hình thức, đời sống làng xã Bắc Ninh trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội qua các bản hương ước này. Những công trình đã công bố cũng chưa nêu bật được mặt tích cực và hạn chế của hương ước cải lương Bắc Ninh, những kết quả đạt được và chưa được của cuộc cải lương hương chính. Bởi vậy, cần phải nghiên cứu toàn diện về hương ước cải lương Bắc Ninh để làm sáng tỏ những vấn đề trên.

Đối với hương ước cải lương Bắc Ninh mặc dù được xây dựng trên khuôn mẫu do thực dân Pháp ban hành và là công cụ để thực hiện mục tiêu thực dân nhưng các bản hương ước này vẫn mang những sắc thái riêng và nhiều nội dung tích cực, tiến bộ, cần thiết cho quá trình xây dựng nông thôn mới hiện nay. Vì vậy, nghiên cứu thấu đáo đề tài hương ước cải lương tỉnh Bắc Ninh (1921-1944) sẽ có những ý nghĩa nhất định:

Ý nghĩa khoa học:

Thứ nhất, nghiên cứu hương ước cải lương tỉnh Bắc Ninh sẽ góp phần quan trọng vào việc làm sáng tỏ các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của làng xã Bắc Ninh trong thời kì cải lương hương chính, giúp chúng ta hiểu sâu sắc, toàn diện hơn về đời sống làng xã Bắc Ninh trước năm 1945.

Thứ hai, nghiên cứu đề tài sẽ làm sáng tỏ những mặt tích cực và hạn chế của các bản hương ước. Trên cơ sở đó, đánh giá khách quan, toàn diện về những kết quả đạt được và chưa được của cuộc cải lương hương chính ở đây qua nguồn tài liệu này.

Ý nghĩa thực tiễn

Thứ nhất, những bài học kinh nghiệm được rút ra từ việc nghiên cứu hương ước cải lương tỉnh Bắc Ninh sẽ phục vụ hữu ích cho việc xây dựng hương ước mới nói riêng và công cuộc xây dựng và phát triển nông thôn mới hiện nay nói chung.

Thứ hai, việc nghiên cứu đề tài sẽ góp phần làm sáng tỏ một giai đoạn lịch sử của Bắc Ninh - Lịch sử Bắc Ninh thời cận đại. Vì vậy đề tài nghiên cứu thành công sẽ là nguồn tài liệu bổ sung cho công việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu Lịch sử Việt Nam cận đại ở các trường phổ thông, cao đẳng và đại học.

Với những ý nghĩa trên đây, tác giả quyết định lựa chọn đề tài " *Hương ước cải lương tỉnh Bắc Ninh (1921 - 1944)* để tiếp tục nghiên cứu.

2. Đối tượng, phạm vi, mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các bản hương ước cải lương của tỉnh Bắc Ninh được lập trong thời gian Pháp tiến hành cuộc cải lương hương chính (1921-1944).

2.2. Phạm vi nghiên cứu

***Về không gian*:** Luận án giới hạn phạm vi nghiên cứu là tỉnh Bắc Ninh, lúc đó gồm 2 phủ và 8 huyện: phủ Từ Sơn, phủ Thuận Thành và các huyện Gia Lâm, Văn Giang, Gia Bình, Lương Tài, Quế Dương, Võ Giàng, Tiên Du, Yên Phong.

Về thời gian: Luận án tập trung nghiên cứu về các bản hương ước cải lương của tỉnh Bắc Ninh được lập vào thời gian từ năm 1921 đến năm 1944.

Về nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản của hương ước cải lương là đời sống xã hội của Bắc Ninh trên những lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

2.3. Mục tiêu nghiên cứu

- Nhận diện quá trình từ cải lương hương chính thí điểm đến cải lương hương chính ở Bắc Kỳ, sự ra đời của hương ước cải lương, từ cải lương hương chính thí điểm ở Bắc Ninh đến hương ước cải lương Bắc Ninh.

- Nghiên cứu tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của làng xã Bắc Ninh được phản ánh qua nội dung của hương ước cải lương.

- Nhìn nhận khái quát về tính hai mặt của các bản hương ước cải lương tỉnh Bắc Ninh và kết quả quả của chính sách cải lương hương chính ở đây qua nguồn tài liệu này.

2.4. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án sẽ tập trung làm rõ những vấn đề khoa học sau đây:

- Phân tích nguyên nhân Pháp tiến hành cải lương hương chính thí điểm ở Bắc Kỳ, lý do Pháp chọn Bắc Ninh là một trong những tỉnh để tiến hành cải lương hương chính thí điểm. Tìm hiểu khái quát về hương ước Bắc Ninh đến năm 1920 để làm rõ chính sách cải lương hương chính thí điểm của Pháp ở Bắc Ninh.

- Khái quát chính sách cải lương hương chính của Pháp qua 3 giai đoạn, sự ra đời của hương ước cải lương.

- Nghiên cứu về đặc điểm hình thức của 141 bản hương ước cải lương tỉnh Bắc Ninh, góp phần vào việc đánh giá kết quả chính sách cải lương hương chính ở Bắc Ninh.

- Trên cơ sở những thông tin phản ánh trong hương ước phác họa những nét cơ bản về đời sống làng xã Bắc Ninh giai đoạn trước năm 1945. Qua đó đánh giá mặt tích cực và hạn chế của hương ước cải lương Bắc Ninh, những kết quả đạt được và chưa được của cải lương hương chính ở đây qua hương ước.

3. Nguồn tài liệu, phương pháp nghiên cứu

3.1. Nguồn tài liệu

Những vấn đề khoa học của luận án được giải quyết trên cơ sở khai thác và xử lý từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau: Toàn bộ các bản hương ước cải lương và một số bản hương ước bằng chữ Hán Nôm (được lập vào thời gian trước năm 1921) của tỉnh Bắc Ninh. Bên cạnh đó là các Nghị định, Đạo dụ được ban hành trong cuộc cải lương hương chính, các tài liệu lưu trữ tại các thư viện, trung tâm lưu trữ quốc gia, các công trình nghiên cứu đã công bố có nội dung liên quan đến đề tài luận án.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện tốt đề tài luận án, tác giả kết hợp sử dụng nhiều phương pháp khác nhau. Phương pháp mô tả lịch sử, phương pháp lịch sử, phương pháp logic, phương pháp so sánh nhằm nghiên cứu có hệ thống hương ước cải lương Bắc Ninh. Phương pháp sử liệu học và

phương pháp phê phán đối với các bản hương ước. Phương pháp thống kê, thu thập, xử lý phân tích để làm rõ giá trị hình thức và nội dung của các văn bản này.

4. Đóng góp của luận án

Trên cơ sở giải quyết nhiệm vụ đặt ra, luận án có một số đóng góp sau:

- Tái hiện quá trình đi từ cải lương hương chính Bắc Kỳ đến hương ước cải lương tỉnh Bắc Ninh. Đưa ra những kiến giải về nguyên nhân Pháp tiến hành cải lương hương chính thí điểm ở Bắc Ninh. Đánh giá về chính sách cải lương hương chính thí điểm của pháp ở Bắc Ninh.

- Phác thảo toàn diện về diện mạo tổ chức xã hội, các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của làng xã Bắc Ninh dưới tác động của chính sách cải lương hương chính.

- Kết quả nghiên cứu chỉ rõ mặt tích cực và hạn chế của hương ước cải lương Bắc Ninh và kết quả của cuộc cải lương hương chính ở đây. Đó sẽ là những gợi ý và bài học thiết thực cho việc xây dựng quy ước làng văn hóa và công cuộc xây dựng nông thôn mới theo tinh thần của Đảng và Nhà nước hiện nay.

5. Bố cục Luận án

Ngoài phần *Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục,* luận án được chia làm 4 chương, cụ thể:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2: Từ cải lương hương chính ở Bắc Kỳ đến hương ước cải lương Bắc Ninh

Chương 3: Đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của làng xã Bắc Ninh qua hương ước cải lương

Chương 4: Một số vấn đề rút ra từ việc nghiên cứu hương ước cải lương Bắc Ninh

NỘI DUNG
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1.Các công trình nghiên cứu về hương ước

Trong các công trình nghiên cứu về hương ước, tác giả chia làm các hướng nghiên cứu sau:

Trước hết là nhóm công trình nghiên cứu những vấn đề chung chủa hương ước cổ làng xã đồng bằng Bắc Bộ. Có thể kể một số công trình tiêu biểu như Vũ Duy Mền và Bùi Xuân Đính với *Hương ước, khoán ước trong làng xã*, hay Vũ Duy Mền với *Hương ước cổ làng xã đồng bằng Bắc Bộ,…*

Thứ hai, nhóm nghiên cứu về một vấn đề được phản ánh trong hương ước và hương ước theo địa bàn như Chu Hồng Lâm với bài *Tục lệ làng xã các tỉnh Bắc Ninh Việt Nam đầu thế kỷ XX*, hay Vũ Duy Mền với bài *Hương ước với việc quản lý ruộng đất ở làng xã đồng bằng Bắc Bộ,…*

Thứ ba, nhóm nghiên cứu so sánh hương ước cổ làng xã đồng bằng Bắc Bộ trong mối quan hệ với luật làng Kanto Nhật Bản và hương ước Triều Tiên như Vũ Duy Mền với bài *Hương ước làng xã Bắc Bộ với luật làng Kanto Nhật Bản*, Phạm Thùy Vinh với đề tài *Nghiên cứu so sánh văn bản hương ước chữ Hán Triều Tiên và Việt Nam,…*

Thứ tư, nhóm công trình nghiên cứu về hương ước cổ trong mối quan hệ với pháp luật nhà nước như Bùi Xuân Đính với *Lệ làng phép nước*, Diệp Đình Hoa với *Lệ làng và ảnh hưởng của nó đối với pháp luật hiện đại,…*

Thứ năm, nhóm công trình nghiên cứu về vai trò của hương ước trong việc quản lý làng xã và việc xây dựng hương ước mới hiện nay như Bùi Xuân Đính với *Hương ước và quản lý làng xã*, hay *Chuyên đề hương ước: Kỷ yếu hội thảo khoa học hương ước tổ chức tại Hải Hưng từ 26-27/12/1995* của Bộ Tư pháp Viện nghiên cứu khoa học Pháp lý,…

Với nhiều góc độ, quan điểm đánh giá khác nhau, các công trình trên sẽ cung cấp cho tác giả cái nhìn đa chiều về hương ước, về giá trị, vai trò của hương ước trong lịch sử.

Ngoài ra, phải kể đến các công trình sưu tầm, giới thiệu, phiên dịch hương ước, chủ yếu được tập hợp trên phạm vi từng tỉnh như: *Hương ước cổ Hà Tây*, *Hương ước Nghệ An*, *Tục lệ cổ truyền làng xã Việt Nam*… Các công trình chủ yếu tập trung vào việc giới thiệu về các bản hương ước cổ, các tục lệ thành văn của các tỉnh trong cả nước hiện còn lưu lại, giúp tác giả nhận thức sâu sắc hơn về làng xã cổ truyền Việt Nam.

1.2. Các công trình nghiên cứu về hương ước cải lương

Tác giả phân chia các công trình nghiên cứu về hương ước cải lương làm các nhóm nghiên cứu sau:

Thứ nhất, nhóm công trình nghiên cứu về giai đoạn cải lương hương chính thí điểm như Đào Phương Chi với bài viết *Bước đầu tìm hiểu về cải lương hương tục thí điểm ở Bắc Kỳ qua một số văn bản tục lệ bằng chữ Nôm*, hay bài *Tỉnh Hà Đông nơi thí điểm chính sách Cải lương hương chính thời Pháp thuộc* của Nguyễn Thị Lệ Hà,…

Thứ hai, nhóm công trình nghiên cứu chung về hương ước cải lương như Phan Đại Doãn và Bùi Xuân Đính với bài *Ba thời kì phát triển của hương ước*; Nghiêm Văn Thái với bài *Hương ước Việt Nam thời kỳ cận đại,…*

Thứ ba, nhóm công trình nghiên cứu về hương ước cải lương theo địa bàn như bài *Kho hương ước cải lương hương chính ở Bắc Kỳ* của Cao Văn Biền; Phạm Xuân Nam và Cao Văn Biền với *Mấy nét về tình hình làng xã Bắc Ninh thời kỳ 1921-1945 qua hương ước,…*

Trong khoảng hơn 10 năm trở lại đây, có nhiều luận án Tiến sĩ, luận văn Thạc sĩ, khóa luận tốt nghiệp lấy hương ước cải lương làm đề tài nghiên cứu trên nhiều bình diện khác nhau và đều đã được bảo vệ thành công.

1.3. Nhận xét rút ra từ các công trình nghiên cứu đi trước và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Dưới nhiều góc độ nghiên cứu khác nhau các công trình trên đã giải quyết được một số vấn đề sau: Nghiên cứu về hương ước cổ, hương ước mới trên nhiều phương diện khác nhau. Riêng về hương ước cải lương, các công trình chủ yếu nghiên cứu về quá trình cải lương hương chính thí điểm, đặc điểm chung của hương ước cải lương hay nghiên cứu cụ thể về hương ước cải lương của một số địa phương. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống và đầy đủ về hương ước cải lương của một tỉnh nói chung và tỉnh Bắc Ninh nói riêng, hay nghiên cứu về mặt tích cực và hạn chế của hương ước cải lương, sự ứng xử của các làng xã và kết quả của chính sách cải lương hương chính.

Luận án đã kế thừa kết quả nghiên cứu về hương ước cổ và hương ước cải lương, giúp tác giả nhận thức sâu sắc hơn về chính sách cải lương hương chính, có cái nhìn toàn diện hơn khi nghiên cứu về đời sống xã hội của làng xã Bắc Ninh, tính hai mặt của các bản hương ước này cũng như kết quả của chính sách cải lương hương chính.

Luận án sẽ giải quyết các vấn đề khoa học sau:

- Làm rõ thêm chính sách cải lương hương chính thí điểm ở Bắc Kỳ, nguyên nhân Pháp tiến hành cải lương hương chính thí điểm ở Bắc Ninh, âm mưu của Pháp trong cuộc cải lương hương chính, sự ra đời của hương ước cải lương, việc thực hiện cải lương hương chính thí điểm ở Bắc Ninh.

- Phân tích tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của Bắc Ninh qua nội dung của hương ước cải lương.

- Đánh giá khách quan về mặt tích cực và hạn chế của hương ước cải lương Bắc Ninh, kết quả thực hiện cuộc cải lương hương chính qua các văn bản này.

Từ trường hợp cụ thể là hương ước cải lương tỉnh Bắc Ninh, luận án cũng góp phần nhận thức đầy đủ hơn về chính sách cải lương hương chính thí điểm ở Bắc Kỳ, giá trị của hương ước cải lương và chính sách cải lương hương chính của Pháp.

Chương 2:
TỪ CẢI LƯƠNG HƯƠNG CHÍNH Ở BẮC KỲ ĐẾN HƯƠNG ƯỚC CẢI LƯƠNG BẮC NINH

2.1. Bối cảnh lịch sử Việt Nam đầu thế kỷ XX

Sau khi căn bản hoàn thành cuộc bình định Việt Nam bằng quân sự, thực dân Pháp bắt tay ngay vào việc khai thác có quy mô với thuộc địa Đông Dương trong đó chủ yếu là Việt Nam. Để bóc lột triệt để nhân dân Việt Nam, chính quyền thực dân đã du nhập vào nước ta phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa nhưng vẫn lợi dụng quan hệ sản xuất phong kiến, trong đó tổ chức xã thôn có vai trò đặc biệt quan trọng. Tuy nhiên sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp đã tiến hành một số cải cách nhằm đối phó với những biến động có thể xảy ra. Những cải cách đó đã làm cho nền kinh tế, xã hội Việt Nam có chuyển biến sâu sắc đồng thời tạo ra những điều kiện bên trong cần thiết cho phong trào dân tộc mới, tác động sâu sắc đến chính sách cai trị của Pháp trong giai đoạn này.

2.2. Cải lương hương chính thí điểm ở Bắc Kỳ và Bắc Ninh

2.2.1. Nguyên nhân Pháp tiến hành cải lương hương chính thí điểm ở Bắc Kỳ

Sang đầu thế kỷ XX, trước những thay đổi của tình hình thế giới và trong nước, thực dân Pháp càng bộc lộ rõ tham vọng muốn kiểm soát chặt chẽ chính quyền cai trị từ trung ương đến địa phương với cấp cơ sở là làng xã. Vì vậy, thực dân Pháp buộc phải tiến hành cải tổ lại tổ chức xã thôn truyền thống. Trong khoảng 40 năm (từ năm 1904 đến năm 1944) thực dân Pháp đã đưa ra 7 văn bản lập quy mang tên *"Việc tổ chức lại bộ máy hành chính xã"* (Réorganization de I' Adiministration communal) nhằm biến các làng xã thành một đơn vị hành chính cơ sở trong thiết chế cai trị thuộc địa ở Việt Nam. Đương thời gọi đó là chính sách *Cải lương hương chính.*

Tuy nhiên, việc cải tổ bộ máy quản lý làng xã đã từng tồn tại bền vững qua nhiều thế kỷ không phải là việc đơn giản. Vì vậy, thực dân Pháp đã thực hiện chính sách cải lương hương chính ở Nam Kỳ vào năm 1904 và cải lương hương chính thí điểm ở một số địa phương đồng bằng sông Hồng, nhằm thăm dò phản ứng của nhân dân và rút kinh nghiệm trước khi tiến hành chính thức, đồng loạt chính sách cải lương hương chính trên toàn Bắc Kỳ vào năm 1921.

2.2.2. Cải lương hương chính thí điểm ở Bắc Ninh

2.2.2.1. Lý do Pháp tiến hành cải lương hương chính thí điểm ở Bắc Ninh

Cho đến nay cũng có khá nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến giai đoạn thí điểm này. Theo đó, Bắc Ninh cũng là một trong 4 hoặc 5 tỉnh ở Bắc Kỳ được chọn làm nơi thí điểm cải lương hương chính vì những lý do sau.

Thứ nhất, Bắc Ninh có vị trí chiến lược quan trọng. Do đó có thể tiếp thu và thực hiện chính sách của nhà nước sớm hơn các nơi khác, mặt khác vì rất gần với Hà Nội nên thực dân Pháp cũng dễ dàng quản lý và kiểm soát việc thực hiện. *Thứ hai*, về chính trị - xã hội, Bắc Ninh có nhiều điều kiện để tiếp cận nhanh chóng với tình hình chính trị, xã hội của đất nước. Mặt khác, quy mô làng xã của Bắc Ninh không lớn. Vì vậy, việc triển khai chính sách cải lương hương chính thí điểm sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi hơn. *Thứ ba*, về kinh tế, Bắc Ninh có những khả năng phong phú cho hoạt động kinh tế, giao lưu tiếp xúc với các vùng, với cả nước từ rất sớm. Sự giao lưu này ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến lối sống, suy nghĩ nhận thức của cư dân bản địa. *Thứ tư*, về mặt lịch sử, văn hóa. Các làng xã Bắc Ninh là một trong những làng xã đặc trưng của vùng đồng bằng Bắc Bộ với bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa, trình độ nhận thức tương đối. Đó sẽ là cơ sở để thực dân Pháp rút ra những kinh nghiệm để tiến hành cải lương hương chính trên toàn bộ Bắc Kỳ.

2.2.2.2. Khái quát về hương ước Bắc Ninh đến năm 1920

**** Hương ước Bắc Ninh trước thế kỉ XX***

Do có nhiều điều kiện thuận lợi nên Bắc Ninh có nhiều bản hương ước, khoán ước được ra đời từ rất sớm. Có thể kể tên một số bản tiêu biểu như văn bản điều lệ ở thế kỷ XV được khắc trên bia *Trăn Tân từ lệ*; bản khắc vào bia đá "*Điều lệ bản giáp thạch ký (*1773). Hoặc như *Tam Bảo thị bi ký*. Văn bản khắc đá *Tạo lập bản xã trạo độ tự bi* (1817). Hay ở Trang Liệt, vào cuối thế kỷ XIX có *Thập tộc tân ước* (1880); *Khoán lệ thôn Trần xã Nghi Vệ* tu sửa năm 1899,…

Những văn bản này rất đa dạng về hình thức và nội dung. Về tên gọi tùy theo các ghi chép của mỗi làng mà có những tên gọi khác nhau như Từ lệ, Điều lệ, Tân ước, Khoán lệ… Về nội dung, tùy vào đặc điểm riêng của từng địa phương các làng xã Bắc Ninh thường soạn ra các bản hương ước riêng về một vấn đề nào đó của đời sống làng xã như việc bảo đảm đời sống tâm linh, việc bảo vệ an ninh làng xã, quy ước sử dụng bến đò, chợ, quy ước về việc liên quan đến các chức dịch trong làng xã, các quan hệ xã hội,…

**** Hương ước Bắc Ninh từ đầu thế kỉ XX đến năm 1920***

Hiện nay, ở Viện Thông tin khoa học xã hội lưu giữ 36 bản hương ước và ở Viện nghiên cứu Hán Nôm lưu giữ 17 bản tục lệ, khoán lệ bằng chữ Hán Nôm của Bắc Ninh có thời gian tạo lập từ đầu thế kỉ XX đến 1920. Các bản này chủ yếu được lập vào những năm 1906-1907 đến năm 1920, với 48 bản (90,06%). Đặc biệt trong 2 năm 1906-1907, có số lượng bản nhiều nhất với 42 bản (79,02%). Như vậy, có lẽ cuộc cải lương hương chính thí điểm ở Bắc Ninh diễn ra vào khoảng năm 1906-1907. Tuy nhiên, chính sách này không được thực hiện ở tất cả các làng xã của Bắc Ninh mà chủ yếu ở các làng xã thuộc Phủ Từ Sơn, và một ít ở Thuận Thành.

Tác giả đã tiến hành khảo sát cụ thể nội dung của một số bản hương ước của Bắc Ninh: *Khoán lệ xã Tử Nê tổng Chi Nê huyện Tiên Du (1907), Bắc Ninh tỉnh Thuận Thành*

phân phủ Đê Kiều xã dân tục (1921-1913), Khoán lệ của 5 xã 3 thôn trong tổng Nội Viên huyện Tiên Du, phủ Từ Sơn, hương ước thôn Nguyễn xã Cẩm Giang tổng Tam Sơn và *hương ước thôn Đa Hội tổng Yên Thường phủ Từ Sơn.* Nghiên cứu nội dung của các bản hương ước này cho thấy nó được lập là do thực hiện yêu cầu của quan trên: "Vâng tờ sức của trên" và có nhiều nội dung được cải lương. Đặc biệt *hương ước của thôn Nguyễn xã Cẩm Giang tổng Tam Sơn* và *hương ước thôn Đa Hội tổng Yên Thường phủ Từ Sơn* có cấu trúc và nội dung tương đối giống nhau, đều có mục cải lương về việc lập hội đồng và sổ chi thu theo quy định của chính quyền thực dân.

Các bản hương ước này đã kế thừa nhiều nội dung của hương ước trước đó nhưng lại phản ánh nhiều nội dung, bao quát nhiều vấn đề của đời sống làng xã hơn so với trước. Cụ thể gồm những nội dung sau: quy định về bầu cử, quyền lợi, nhiệm vụ của Lý, Phó trưởng; quy ước về quản lý ngân sách, ruộng đất của làng xã; quy định về việc thực hiện nghĩa vụ với nhà nước như sưu thuế, binh lính, tạp dịch,…; quy định về việc bảo vệ trật tự trị an làng xóm, việc canh phòng, khi có việc khẩn cấp; quy định về việc kiện cáo, đón tiếp quan trên; quy định về việc khao vọng, hôn lễ, tang ma, tế tự.

2.3. Cải lương hương chính ở Bắc Kỳ và sự ra đời của hương ước cải lương

2.3.1. Khái quát về cải lương hương chính ở Bắc Kỳ

2.3.1.1. Cải lương hương chính ở Bắc Kỳ năm 1921

Cuộc cải lương hương chính ở Bắc Kỳ được thực hiện bằng Nghị định số 1949 của Thống sứ Bắc Kỳ Môngghiô ngày 12/8/1921. Điểm then chốt trong Nghị định năm 1921 là giải thể Hội đồng kỳ mục từng quản lý làng xã trong nhiều thế kỷ và thay bằng Hội đồng tộc biểu (hay Giáp biểu). Đồng thời tăng cường vai trò của Lý trưởng với những tiêu chuẩn cụ thể.

Mặt khác để khắc phục nạn tham nhũng trong bộ máy chức dịch làng xã cũ, Thống sứ Bắc Kỳ còn ra văn bản số 1950 cùng ngày về việc " *Lập sổ dự toán thu chi của các làng xã An Nam Bắc kỳ*". Việc lập sổ chi thu được áp dụng cho tất cả các xã từ 500 đinh và có khoản thuế nộp từ 2000 đồng trở lên.

2.3.1.2. Cải lương hương chính ở Bắc Kỳ năm 1927

Đến năm 1927, Thống sứ Bắc Kỳ đã ra Nghị định lập lại Hội đồng kỳ mục bên cạnh Hội đồng tộc biểu với tư cách cố vấn và giám sát bộ máy quản trị làng xã. Nhiệm vụ và chức năng của Hội đồng tộc biểu lần này về cơ bản là giống với Nghị định năm 1921. Điểm khác cơ bản là nhiệm kì được kéo dài từ 3 năm thành 6 năm và tiêu chuẩn để tham gia vào tộc biểu cũng được mở rộng hơn. Thực dân Pháp cũng đưa ra một số quy định về Hội đồng kỳ mục, đặt thêm chức Chưởng bạ, Hộ lại nhằm quản lý chặt chẽ hơn về vấn đề nhân sự và ruộng đất của làng xã. Văn bản năm 1927 mở rộng đối tượng các làng phải lập ngân sách, không chỉ căn cứ vào số đinh (500 dân đinh) mà còn căn cứ vào mức thu của ngân sách xã (500 đồng trở lên)...

2.3.1.3. Cải lương hương chính ở Bắc Kỳ năm 1941

Theo đề nghị của Thống sứ Bắc Kỳ, ngày 29/5/1941 vua Bảo Đại ra đạo Dụ số 31 với 50 điều khoản nhằm chấn chỉnh lại việc tổ chức quản lý các công việc làng xã. Theo đó, Hội đồng tộc biểu bị giải thể, Hội đồng kỳ mục được củng cố để trở thành cơ quan điều hành mọi công việc của làng xã, đứng đầu là Tiên chỉ và Thứ chỉ. Hội đồng kỳ mục bao gồm tất cả dân đinh trong xã từ 21 tuổi trở lên với những tiêu chuẩn như năm 1927 nhưng mở rộng

thêm các quan lại, bộ phận tân học, viên chức tại chức, những người đã tham gia các lực lượng quân đội của cả Nam triều và chính quyền thực dân.

Như vậy, nội dung cơ bản của ba cuộc cải lương hương chính ở Bắc Kỳ trong suốt 20 năm là tổ chức lại bộ máy chính quyền làng xã, nhằm biến nó thành công cụ hữu hiệu cho chính sách thống trị và khai thác thuộc địa của thực dân Pháp.

2.3.2. Sự ra đời của hương ước cải lương

Qua thời gian cai trị, thực dân Pháp hiểu sâu sắc rằng hương ước có vai trò quan trọng trong sinh hoạt làng xã, do đó khi tiến hành cải lương hương chính, Pháp đã lợi dụng truyền thống quản lý làng xã của người Việt thông qua hương ước, bằng cách biến các điều khoản của Nghị định cải lương hương chính thành các điều khoản của hương ước. Vì vậy, chính quyền thực dân đã nghiên cứu và công bố một khuôn mẫu chung của hương ước bắt buộc các làng xã phải thực hiện. Từ năm 1921, hương ước của tất cả các làng xã Bắc Kỳ đều phải theo khuôn mẫu chung, theo yêu cầu của chính quyền thực dân, theo tinh thần của cuộc cải lương hương chính và được gọi là *hương ước cải lương*.

Về đại thể, hương ước cải lương có cấu trúc giống nhau được chia làm hai phần: Hương ước mẫu năm 1921 gọi là "*Điều lệ tổng cục*", còn bản mẫu năm 1927 về sau gọi là *Phần Chính trị…* Phần thứ hai về tục lệ riêng của làng xã gọi là *Phần Tục lệ*.

2.4. Hương ước cải lương Bắc Ninh

2.4.1. Phân bố và số trang

Hiện nay, Viện Thông tin Khoa học xã hội còn lưu giữ 141 bản hương ước của Bắc Ninh được lập trong thời gian từ năm 1921 đến năm 1944. Tuy nhiên sự phân bố các bản hương ước này ở các huyện, phủ trong tỉnh không đồng đều. Với 141 bản hương ước trên tổng số 599 xã thì số làng xã của tỉnh có hương ước chiếm 23,5%. Con số này cùng với sự phân bố không đồng đều về hương ước giữa các huyện, phủ của tỉnh Bắc Ninh cho thấy chính sách cải lương hương chính chỉ được thực hiện ở một số ít làng xã của Bắc Ninh.

Về số trang, hương ước cải lương tỉnh Bắc Ninh có tất cả 141 bản hương ước với tổng số trang là 3225 trang, trung bình số trang của mỗi hương ước là 22,87 trang. Nhưng số trang của mỗi bản có sự chênh lệch khá lớn. Qua quá trình nghiên cứu tác giả đã thống kê được như sau:

Bảng 2.1. BẢNG THỐNG KÊ SỐ TRANG, SỐ HƯƠNG ƯỚC, TRUNG BÌNH SỐ TRANG CỦA MỖI HƯƠNG ƯỚC Ở CÁC HUYỆN, PHỦ, TỈNH BẮC NINH

STT	Huyện, phủ	Số trang	Số hương ước	Số trang trung bình của mỗi hương ước
1	Từ Sơn	754	27	27,9
2	Yên Phong	653	28	23,3
3	Văn Giang	639	22	29
4	Quế Dương	344	11	31,2
5	Gia Bình	314	33	9,5
6	Thuận Thành	258	11	23,4
7	Tiên Du	184	6	30,6
8	Gia Lâm	55	1	55
9	Võ Giàng	24	2	12
Tổng		**3225**	**141**	**22,87**

Như vậy, số trang của hương ước ở mỗi phủ, huyện là hoàn toàn khác nhau. Điều này cho thấy không phải làng xã nào ở Bắc Ninh cũng soạn thảo hương ước hoàn toàn theo bản mẫu mà chính quyền thực dân đưa ra. Mỗi làng xã có sự phản ứng, mức độ thực hiện chính sách cải lương hương chính khác nhau.

2.4.2. Hình thức văn bản

2.4.2.1. Nguyên liệu tạo lập văn bản

Tất cả hương ước cải lương của tỉnh Bắc Ninh đều được thể hiện trên giấy học sinh, màu nâu và được đóng thành quyển. Bên trong, hầu hết các tờ đầu tiên đều ghi tên làng, xã, tổng, huyện, tỉnh sau đến nội dung của hương ước. Cũng có 16 làng ghi thêm cả năm lập ở tờ bìa của hương ước.

2.4.2.2. Chữ viết

Trong tổng số 141 bản hương ước của tỉnh Bắc Ninh thì có 4 bản được đánh máy, 4 bản in typô và 133 bản là được chép tay bằng bút mực học sinh màu xanh đen, màu tím, màu xanh lá cây hoặc màu đen. Các thông tin và nội dung trong các hương ước hầu hết đều được chép tay hay in hoặc đánh máy bằng chữ Quốc ngữ. Một số bản vẫn thấy có ít chữ Pháp và chữ Hán Nôm, được dùng chủ yếu ở trang đầu hoặc trang cuối để ghi một số thông tin về thời gian, địa điểm, tên các chức sắc tham gia soạn thảo hương ước. Điều này cho thấy thành phần tham gia soạn thảo hương ước rất đa dạng gồm cả người cựu học và tân học.

2.4.2.3. Niên đại

Tỉnh Bắc Ninh có 96/141 bản hương ước có ghi năm lập chiếm 68,1%, hương ước không có năm lập chiếm khá nhiều với 45 bản chiếm 31,9%. Qua khảo sát 96 bản có ghi năm lập cho thấy các hương ước của Bắc Ninh được lập vào cả 3 đợt của cuộc cải lương hương chính: Đợt 1: 3 bản; đợt 2: 17 bản; đợt 3: 76 bản. Như vậy, hương ước cải lương Bắc Ninh chủ yếu được lập vào đợt 3 với 76 bản chiếm 53,9%, (đặc biệt năm 1942 có tới 40 bản).

2.4.2.4. Con dấu, chữ ký và một số nội dung khác

Con dấu: Có 128 bản có con dấu của những vị chức trách trong làng và 13 bản không có con dấu. Tuy nhiên số dấu của mỗi bản hương ước là không giống nhau, có bản chỉ có 1 con dấu nhưng cũng có bản lại có tới 2, 3, thậm chí là 4 con dấu. Nhiều nhất vẫn là con dấu của Tiên chỉ và Lý trưởng có 52 bản chiếm 41,6% trong tổng số các bản có con dấu.

Chữ ký: Có 9 bản không có chữ ký và 132 bản có chữ ký chiếm 93,6%. Tuy nhiên, số lượng chữ ký trong các hương ước là khác nhau. Bản ít nhất là có 1 chữ ký của Tiên chỉ hoặc Lý trưởng có 22 bản, có 39 bản có từ 5 chữ ký trở lên, nhiều nhất là 11 chữ ký có 1 bản, 10 chữ ký có 2 bản. Còn lại 66 bản có từ 2 đến 4 chữ ký chiếm 64,8% .

Ngoài con dấu và chữ ký hương ước làng Đức Hiệp, Đại Tài, Nhân Nội còn có ấn chỉ thể hiện thành phần tham gia lập hương ước rất đa dạng gồm cả những người cựu học không biết chữ Quốc ngữ và những người tân học.

Theo quy định của chính quyền thực dân, các bản hương ước ngoài việc phải có chữ ký của các chức dịch trong làng xã phải có cả dấu ấn và chữ ký của tri huyện sở tại nhưng chỉ có một số bản có mục để quan Công sứ, Tổng đốc hay Tri huyện hoặc Thông phán, quan Chánh sứ, Bố Chánh ký duyệt. Điều này cho thấy chỉ rất ít các làng xã Bắc Ninh thực hiện đúng theo yêu cầu của thực dân Pháp về quy trình soạn thảo hương ước.

2.4.3. Cấu trúc văn bản

Hương ước cải lương Bắc Ninh gồm 2 phần chính là Chính trị và Tục lệ, ngoài ra có 64 bản có thêm phần: Mục đích lập sổ hương ước.

Phần mục đích lập hương ước thường chiếm khoảng ½ số trang với nội dung chủ yếu là phân tích, giải thích về lý do và ý nghĩa của việc lập hương ước. Mặc dù đều theo mẫu chung của Pháp nhưng phần mở đầu có sự khác nhau qua từng đợt cải lương hương chính. Có thể phân chia phần mục đích lập hương ước làm 2 loại: *Loại thứ nhất*, theo cấu trúc mẫu của chính quyền thực dân với 53 bản (82,8%,). *Loại thứ hai* có 38 bản có phần mở đầu với các danh từ nhân xưng như *"tôi","chúng tôi"*, thậm chí là *"chúng con"*. Ngay trong phần mở đầu nhiều làng xã đã thể hiện đặc trưng riêng của mình bằng cách không theo mẫu chung.

-*Phần Chính trị và Tục lệ*: Đối với những bản gồm 2 phần Chính trị và Tục lệ riêng có thể chia làm 2 loại: *Loại thứ nhất*, có cấu trúc nội dung phần chính trị và tục lệ giống nhau, đều theo quy định của chính quyền thực dân (gồm 32 khoản với 91 điều có 38 bản). *Loại thứ hai*, cấu trúc nội dung các phần chính trị và tục lệ không theo cấu trúc mẫu, mỗi làng có cách ghi chép với những nội dung khác nhau (có 32 bản). Có 41 bản không chia phần chính trị và tục lệ thành 2 phần riêng biệt mà xen lẫn nhau. Thậm chí có 23 bản chỉ đơn thuần là liệt kê các tục lệ của làng. Sự khác nhau này cho thấy mỗi làng xã có sự phản ứng riêng trước chủ trương cải lương hương chính của thực dân Pháp.

Tiểu kết chương 2: Trước khi tiến hành chính thức cuộc cải lương hương chính trên toàn xứ Bắc Kỳ vào năm 1921, Bắc Ninh đã được thực dân Pháp chọn làm một trong năm tỉnh thực hiện chính sách cải lương hương chính thí điểm. Hầu hết các hương ước cải lương Bắc Ninh đều mang đặc điểm chung về nguyên liệu, chữ viết, niên đại, cấu trúc văn bản và con dấu, chữ ký. Bên cạnh các điểm chung, các bản hương ước này cũng thể hiện đặc trưng riêng của từng làng xã, từng phủ, huyện qua sự khác nhau về sự phân bố, số trang, niên đại, cấu trúc văn bản, số lượng con dấu và chữ ký. Sự khác nhau này cho thấy, mỗi làng xã có sự phản ứng riêng trước chủ trương cải lương hương chính của thực dân Pháp.

Chương 3:
ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI CỦA LÀNG XÃ BẮC NINH QUA HƯƠNG ƯỚC CẢI LƯƠNG

3.1. Bộ máy quản lý làng xã

Bộ máy hành chính làng xã Bắc Ninh (1921-1944) và nhiều làng xã khác ở Bắc Kỳ được tổ chức theo các Nghị định, Đạo dụ được ban hành trong cả 3 đợt cải lương hương chính.

3.1.1. Bộ máy quản lý làng xã từ 12/8/1921 đến trước 25/2/1927

Với Nghị định năm 1921, bộ máy chính quyền làng xã cổ truyền ở Bắc Ninh - Hội đồng kỳ mục đã bị giải thể, bộ máy chính quyền làng xã mới ra đời gồm hai bộ phận: Hội đồng tộc biểu và bộ phận hành dịch (bổ sung thêm Thư ký và Thủ quỹ). Mặc dù cùng diễn ra trong đợt 1 của cuộc cải lương hương chính nhưng bộ máy quản lý làng xã Bắc Ninh có sự không đồng nhất giữa năm 1921 và năm 1923, 1924 về nhiều nội dung. Tuy nhiên, trong bộ máy chính quyền mới này, người Pháp đã nắm trọn quyền quyết định.

3.1.2. Bộ máy quản lý làng xã từ 25/2/1927 đến trước ngày 23/5/1941

Bộ máy quản lý làng xã Bắc Ninh từ đầu năm 1927 cho đến năm 1941 đã thay đổi hoàn toàn so với giai đoạn 1921-1927. Ngoài hai bộ phận là Hội đồng tộc biểu và bộ phận hành dịch như trước đây (có bổ sung thêm chức Chưởng bạ và Hộ lại), bộ máy quản lý làng xã còn có thêm Hội đồng kỳ mục với một số tiêu chuẩn do Pháp đưa ra. Cả ba bộ phận này đều đặt dưới sự kiểm soát chặt chẽ của viên Công sứ người Pháp.

3.1.3. Bộ máy quản lý làng xã từ ngày 23/5/1941 đến trước năm 1945

Với Đạo dụ năm 1941 về tổ chức quản lý cấp xã ở Bắc Kỳ, bộ máy quản lý làng xã Bắc Ninh đã thay đổi hoàn toàn so với hai đợt trước: Hội đồng tộc biểu bị giải thể, bộ máy quản trị nằm trong tay tổ chức duy nhất là Hội đồng kỳ mục với cơ chế kỳ mục đương nhiên cổ truyền. Tuy nhiên, ở một số làng xã vẫn tồn tại cả hai tổ chức Hội đồng tộc biểu và Hội đồng kỳ mục như đợt 2.

3.1.4. Lương bổng và lộ phí đi làm việc

Mỗi làng xã có quy định khác nhau về việc trả lương cho các chức dịch tùy thuộc vào đặc điểm kinh tế, phong tục của làng xã, thể hiện tính tự trị của từng địa phương. Về hình thức, hầu hết các làng xã trả lương bằng tiền. Mặc dù vậy một số làng vẫn theo lệ cũ trả lương bằng ruộng đất, hoa mầu. Về đối tượng được hưởng lương, mỗi làng cũng quy định khác nhau, có làng quy định trả lương cho tất cả các chức dịch nhưng có làng chỉ trả lương cho Lý trưởng hoặc Phó lý hoặc một chức khác.

Các làng xã cũng quy định về việc cấp lộ phí khi đi làm việc xa. Chủ yếu các làng xã quy định trong 5 km không được cấp, ngoài 5 km được cấp lộ phí theo ngày. Một số quy định cấp theo công việc phải lên phủ hay lên huyện, hoặc trong 1 ngày không phải cấp, đi 2, 3 ngày cấp mỗi ngày 0$40… Tuy nhiên mỗi làng có mức trả khác nhau.

Ngoài việc được trả lương, các chức dịch còn được khen thưởng, đãi vị thứ khi mãn khóa. Một số làng quy định đãi vị thứ giống nhau cho tất cả các lý dịch và một số làng đãi vị thứ theo từng chức vụ.

3.2. Ngân sách làng xã

3.2.1. Sổ chi thu

Việc lập sổ chi thu của các làng xã Bắc Ninh cũng biến đổi qua từng đợt cải lương hương chính. Các làng xã có hương ước lập vào đợt 1 đều ghi chép rất chi thiết, cụ thể về sổ chi thu quy định rõ khoản tiền thu vào, khoản tiền chi tiêu và việc thực hành sổ chi thu với số lượng điều tương đối nhiều từ 14 đến 17 điều. Các làng xã có hương ước được lập vào đợt 2; đợt 3 và một số bản không ghi năm lập đưa ra ba điều và theo một mẫu chung do chính quyền thực dân đưa ra. Ngoài ra, cũng có rất nhiều làng xã đưa ra những quy định về việc lập sổ chi thu ngắn gọn, không quy định là phải có sự đồng ý của quan Công sứ thể hiện tính tự trị của địa phương.

3.2.2. Việc sưu thuế

Đối với các làng soạn hương ước theo cấu trúc mẫu, hầu hết có nội dung giống nhau gồm từ 7 đến 8 điều. Các làng soạn hương ước vào đợt 1 quy định chung cho các loại thuế nhưng các làng soạn vào đợt 2, đợt 3 và theo cấu trúc mẫu quy định cụ thể từng loại thuế. Nhưng các làng đều thống nhất có hai loại thuế chánh ngạch bắt buộc là thuế đinh và thuế điền. Ngoài hai loại thuế chánh ngạch trên, hầu hết các làng soạn theo cấu trúc mẫu đều có

quy định về việc thu thuế nhà ở, thuế trâu bò, thuế ngoại canh, thuế hoa mầu nhưng mỗi làng có quy định thu với từng loại và mức thu khác nhau…

3.3. Ruộng đất công làng xã

Trong đợt 1, thực dân Pháp chỉ đưa ra quy định về sự quân điền thổ bằng việc kê khai số ruộng của làng và mục đích sử dụng, nhưng đợt 2 và đợt 3, chính quyền thực dân bắt các làng xã không chỉ kê khai số lượng, mục đích sử dụng mà còn chia nhỏ ra làm nhiều loại khác nhau với nguyên tắc sử dụng khác nhau.

3.3.1. Công điền, công thổ quân phân

Theo các làng xã có quy định về việc quân cấp công điền, công thổ thì diện tích công điền, công thổ giữa các làng là không đều nhau. Mặc dù gọi là công điền công thổ quân phân nhưng trên thực tế, số ruộng này được sử dụng với nhiều mục đích khác nhau: *Thứ nhất* dùng để chia đều cho dân đinh trong làng từ 18 đến 60 tuổi, theo hạn cứ 3 năm một lần. *Thứ hai* để cúng vào thần từ, phật tự và lo các tiết lễ trong năm nên không có để quân cấp cho dân đinh. Ngoài hai hình thức trên, một số ít làng xã đem công điền công thổ ra đấu cỗ, cho thuê để chi tiêu việc công dân và không có để chia cho dân đinh.

Ngoài công điền công thổ để quân phân, các làng còn có một số ruộng đất và hồ ao công dân. Đối với loại ruộng đất và hồ ao công dân hầu hết các làng đều không đem ra quân cấp mà cho bán đấu giá hoặc cho thuê để lấy tiền chi tiêu việc công dân.

3.3.2. Bản xã công điền công thổ

Về số lượng, cũng giống như công điền công thổ, bản xã công điền công thổ của các làng xã là không đều nhau, có làng lên tới vài chục mẫu: như làng Thất Giang tổng Phú lương huyện Quế Dương nhiều nhất là 74 mẫu 5 sào 14 thước,… Nhưng cũng có làng không có như làng Thiền Xuyên tổng Phong Xá huyện Yên Phong.

Về mục đích sử dụng, các làng đều thống nhất sẽ dùng số ruộng này để lo các tiết lễ hàng năm của làng xã nhưng dưới những hình thức khác nhau. Có thể đem bán hủy vụ số ruộng này để lấy tiền chi vào các tiết lễ hoặc sẽ giao số ruộng này cho các cá nhân hay tổ chức chuyên lo các tiết lễ của làng quản lý.

3.4. Việc duy trì an ninh trật tự

3.4.1. Việc canh phòng

Các làng xã đều thống nhất việc canh phòng là để giữ tính mạng và tài sản chung của dân làng và là nghĩa cụ của tất cả trai đinh trong làng, chỉ trừ những người đi làm việc công sở, người đương đi học, các chức sắc, khoa mục, người tàn tật, người nghèo thì không phải đi tuần. Việc tuần canh được giao cho Trương tuần hay Xã đoàn nhưng việc cắt tuần là do các tộc biểu và Lý trưởng (ở đợt 1) và do Hương hội định (đợt 2, đợt 3). Các làng cũng đều thống nhất việc canh phòng được chia làm hai công việc cụ thể đó là canh phòng trong làng và canh phòng ngoài đồng.

3.4.2. Việc cấp cứu

Về cơ bản các làng đều thống nhất khi có việc khẩn cấp như hỏa hoạn, cướp giật, đê vỡ, cháy nhà… tất cả người trong làng chỉ trừ những người già yếu còn tất cả đều phải ra ứng cứu. Ngược lại những ai trong khi cấp cứu mà bị thương hay tàn tật làng sẽ cấp tiền trợ cấp và thưởng bằng ngôi thứ. Tuy nhiên, mức tiền thưởng mỗi làng không giống nhau.

3.4.3. Việc gian lậu

Việc gian lậu chủ yếu được các làng xã nêu ra trong hương ước lập năm 1921, các

làng soạn hương ước theo cấu trúc mẫu và một số làng không theo cấu trúc mẫu. Tên gọi có sự khác nhau qua các năm. Tuy nhiên các làng đều quy định, Lý, Phó trưởng, Xã đoàn phải thường xuyên khám xét trong làng để cấm những việc gian lậu như cấm rượu lậu, thuốc phiện, mở sòng đánh bạc, cấm chứa kẻ gian và đánh bạc…

3.4.4. Việc bảo vệ tài sản của làng

Mỗi làng có cách ghi chép khác nhau về việc quản trị các công sản của làng. Đợt 1, các làng chủ yếu ghi chép về trách nhiệm của mọi người đối với tài sản của làng, những nguyên tắc về việc sử dụng tài sản của làng. Đợt 2, đợt 3 và các làng soạn theo cấu trúc mẫu đều quy định giống nhau. Theo đó công sản của làng chủ yếu là các tài sản mang tính tín ngưỡng, tâm linh gồm các đình, chùa, miếu, đền...Theo yêu cầu của chính quyền thực dân các làng phải kê rõ số tài sản của địa phương. Một số làng xã không theo quy định của chính quyền thực dân mà ghi chép theo cách riêng của làng.

3.5. Ngụ cư và kí táng

3.5.1. Ngụ cư

Các làng xã Bắc Ninh đưa ra nhiều tiêu chí khác nhau đối với những người được ngụ cư ở làng. Ngoài ra người ngụ cư muốn vào làng và được coi như trai trong làng phải chuẩn bị lễ vật và nộp cho làng một khoản tiền nhất định để sung công. Người ngụ cư khi đã được làng đồng ý cho vào làng thì cũng phải thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm với làng như trai nội. Khi đã được ngụ cư ở làng mà vi phạm tục lệ hay đạo đức không tốt thì sẽ bị đuổi khỏi làng. Mặc dù phải nộp tiền, chuẩn bị lễ vật để vào làng và phải thực hiện mọi nghĩa vụ trách nhiệm với làng nhưng người ngụ cư vẫn bị phân biệt đối xử trên mọi phương diện kinh tế, chính trị và tinh thần.

3.5.2. Kí táng

Cũng giống như phần ngụ cư, mỗi làng một lệ khác nhau về việc kí táng. Mặc dù vậy nhưng các làng xã Bắc Ninh đều thống nhất về thủ tục hành chính là phải trình Hương lí. Sau đó phải sửa lễ yết thần và nộp tiền đất, tiền kiến cốt cho làng. Lễ yết thần và số tiền bao nhiêu là do các làng định. Các làng xã Bắc Ninh thường phân chia kí táng theo loại ruộng để hài cốt. Có hai loại ruộng để kí táng là ruộng đất công (ruộng của làng xã) và ruộng đất tư (ruộng riêng của từng cá nhân). Với cách phân chia này cũng có hai nhóm làng. *Nhóm thứ nhất* quy định mỗi loại ruộng tương ứng với số tiền phải nộp khác nhau. *Nhóm thứ hai*, quy định đối với người xin kí táng ruộng đất công và ruộng đất tư đều phải nộp tiền và chuẩn bị lễ thần như nhau. Một số làng phân chia kí táng theo loại hung táng hay cát táng, mỗi loại tương ứng với số tiền khác nhau.

3.6. Việc vệ sinh, môi trường, xây dựng

3.6.1. Việc vệ sinh, môi trường

Để giữ vệ sinh các làng đưa ra 7 điều cấm dân làng. Những ai vi phạm vào các điều cấm trên, sẽ bị làng phạt tiền. Các làng xã cũng đưa ra một số biện pháp để giữ vệ sinh trong làng và sức khỏe cho mọi người.

3.6.2. Việc xây dựng

Ngoài ra các làng còn quy định về việc vệ nông, sửa sang đường sá, cầu cống. Mặc dù mỗi làng có những quy định khác nhau nhưng đều thống nhất phải giao cho một người hay nhóm người trông nom việc vệ nông, đường sá, cầu cống của làng.

3.7. Một số nội dung khác

3.7.1. Sự kiện cáo (quan tụng)

Liên quan đến việc kiện cáo chỉ có làng Thổ Khối, Xuân Hòa, Quế Tân và một số làng soạn hương ước theo cấu trúc mẫu của thực dân Pháp có đề cập đến vấn đề này trong hương ước. Các làng đều thống nhất việc kiện cáo của các làng chia làm hai việc là việc hộ (việc dân sự) và việc hình (việc thương sự). Làng Thổ Khối và làng Quế Tân (1942) quy định Hội đồng có quyền hòa giải cả việc hình và việc hộ nhưng các làng soạn theo cấu trúc mẫu quy định những việc hình không thuộc quyền hòa giải của Hội. Như vậy, trong đợt 2, đợt 3 vai trò của bộ máy quản lý làng xã đã bị hạn chế hơn.

3.7.2. Cắt lính và tạp dịch

Các làng xã có hương ước soạn vào đợt 1 không có điều khoản quy định về việc cắt lính và tạp dịch. Các làng xã soạn vào đợt 2, đợt 3 theo cấu trúc mẫu quy định cụ thể về việc cắt lính và tạp dịch. Một số ít làng không soạn hương ước theo cấu trúc mẫu, cũng đề cập đến các nội dung này nhưng không chi tiết.

Đối với việc cắt lính, các làng đều thống nhất mỗi khi có giấy sức gọi lính thời Lý trưởng phải báo với viên Chánh hương hội họp hội đồng. Các làng soạn theo cấu trúc mẫu quy định nguyên tắc cắt lính theo họ. Nhưng một số ít làng không theo mẫu, quy định cắt lính theo đinh của từng gia đình.

Đối với việc tạp dịch, các làng thống nhất khi có lệnh quan bắt tráng hay trong làng có việc cần bắt tráng, Hương hội tùy theo số tráng cần dùng mà cắt theo các họ. Tuy nhiên, những người có khoa mục, chức sắc, đang làm việc ở các công sở hay lính tại ngũ, những người có bằng cấp từ tiểu học Pháp Việt, những người được trừ tạp dịch, những hương chức trong làng sẽ không phải đi phu tráng.

3.7.3. Việc lễ nghi

Việc lễ nghi hay sự giao thiệp của một làng được ghi trong các hương ước về cơ bản là giống nhau. Các làng soạn theo mẫu quy định khá cụ thể về việc đón tiếp. Nhưng dù là theo mẫu chung hay không theo mẫu chung các làng đều thống nhất, khi có quan trên đến, tất cả các thành viên trong Hội đồng và chức dịch trong xã đều phải ra đón tiếp tại đình một cách lễ phép.

3.7.4. Việc giáo dục

Các làng đều thống nhất hàng năm làm sổ dự toán thu chi sẽ trích một số tiền nhất định để chi dùng việc học bao gồm tiền trả hương sư và tiền trợ cấp cho những học trò nghèo hay những học trò học hành tấn tới. Các làng soạn theo mẫu có thêm quy định về việc chọn hương sư. Một số làng quy định việc cho con đi học là nghĩa vụ của cha mẹ, về độ tuổi đi học hầu hết là từ 7 đến 8 tuổi, về việc xử phạt đối với gia đình không cho con em đi học.

3.8. Về phong tục

Phần tục lệ, ở cả 3 đợt thực dân Pháp đều đưa ra các tiểu mục để các làng xã tự khai tục lệ mà không ban hành các văn bản mẫu như phần chính trị. Những thay đổi về đời sống phong tục, tập quán của các làng xã qua từng đợt cải lương hương chính ít rõ rệt hơn. Có thể nói phần tục lệ chính là phần thể hiện rõ nhất nét đặc trưng văn hóa riêng của các làng xã.

3.8.1. Hôn lễ

Trong việc hỉ, các làng đều quy định lệ "chiết can" tiền cheo thành hai loại chính là: cheo nội và cheo ngoại. Mỗi làng có quy định khác nhau về từng loại cheo nhưng đa số quy

định cheo ngoại phải nộp nhiều hơn cheo nội. Ngoài hai loại cheo trên, một số làng còn nhắc đến cheo "hàng tổng", "hàng giáp" hay "hàng huyện". Ở Bắc Ninh có những hình thức nộp cheo như sau: *Thứ nhất*, các làng yêu cầu vừa nộp bằng tiền vừa nộp bằng lễ vật. *Thứ hai*, nộp cheo bằng cách nộp tiền để sung vào quỹ của làng. *Thứ ba*, nộp cheo bằng hiện vật để đãi làng. Một số làng còn quy định về độ tuổi kết hôn: là 18 tuổi với con trai và 16 tuổi với con gái. Các làng cũng thống nhất là cấm tục chăng dây, đóng cửa, ném các đồ vật làm ngăn cản lễ cưới.

3.8.2. Tang ma

Tùy tục lệ của mỗi làng mà việc tang ma được chia thành các hạng ma khác nhau theo các tiêu chuẩn và điều kiện khác nhau. Ở Bắc Ninh có một số cách chia hạng ma, thể hiện tính đẳng cấp như sau: *Thứ nhất*, chia hạng ma theo số tiền và các lễ vật phải nộp. *Thứ hai*, chia hạng ma theo các vị khách mà gia chủ được mời đến để làm lễ tế. *Thứ ba*, chia hạng ma theo các loại tế khác nhau. Việc phân chia như vậy thể hiện tính đẳng cấp. Tuy nhiên tính cộng đồng vẫn tồn tại trong các làng xã, được thể hiện qua hình thức trợ tang. Một số làng quy định về việc cắt đô tùy theo các giáp và quy định cấm việc ăn uống trong đám tang, khuyến khích tổ chức một đám tang đơn giản, gọn nhẹ, ít tốn kém.

3.8.3. Khao vọng

Nhiều làng đã cho phép các đối tượng được khao vọng chuyển sang hình thức nộp tiền vào công quỹ của làng xã. Số tiền nộp nhiều hay ít là do quy định của từng làng và tùy thuộc vào các loại khao vọng.

3.8.3.1. Vọng lão

Các làng xã Bắc Ninh có những hình thức vọng lão sau: *Thứ nhất*, khao lão bằng cách làm lễ đãi cả làng. *Thứ hai*, khao lão bằng cách nộp tiền vọng dân. *Thứ ba*, khao lão bằng cách vừa phải sửa lễ vừa phải nộp tiền vọng dân. Một số làng cũng thể hiện sự "ưu đãi" đối với những người có ngôi nhiêu, vị thứ, giữ các chức dịch trong làng hay đã đi lính thì không phải vọng lão. Theo quy định của các làng người nào đã làm lễ khao vọng với dân sẽ được hưởng một số quyền lợi như được miễn trừ phu dịch, được giao làm cai đám và dự các tiết lễ quanh năm… nhưng nếu không khao thì không được quyền lợi gì cả.

3.8.3.2. Vọng chức, vọng khoa

Qua hương ước cho thấy các làng xã Bắc Ninh có 2 cách phân chia về việc vọng chức, vọng khoa như sau: *Thứ nhất* là các làng đưa ra mức khao vọng chung đối với tất cả các đối tượng. *Thứ hai*, các làng xã đã phân chia các mức khao theo chức vụ, phẩm hàm, bằng cấp. Ngoài ra một số làng còn đưa ra quy định về việc khao vọng đối với những người làm việc mãn khóa, những người được thăng chức cũng phải khao làng như những người có chức vụ, đỗ đạt.

3.8.4. Lệ bán ngôi thứ trong làng, vị thứ và lệ kính biếu

3.8.4.1. Lệ bán ngôi thứ trong làng

Qua các quy định cho thấy, đối với các làng xã Bắc Ninh việc bán ngôi thứ chủ yếu là lấy tiền quỹ để tiêu dùng hay làm việc công ích cho làng. Tuy nhiên cũng không có một giá chung nào cho các chức đó mà mỗi làng sẽ quy định số tiền khác nhau cho từng chức vụ. Cũng giống như những người có chức vụ, phẩm hàm, đỗ đạt, người mua danh cũng phải làm lễ khao vọng hoặc nộp tiền vọng cho dân, để làng công nhận chức danh đó.

3.8.4.2. Vị thứ đình trung và lệ kính biếu

Về vị thứ của các làng xã Bắc Ninh được phân chia theo những tập quán như sau: *Thứ*

nhất, các làng xã kết hợp cả tập quán thiên thiên tước và vương tước nhưng phân chia vị thứ thành nhiều nóc, nhiều hạng khác nhau hay nhiều loại ngôi thứ khác nhau. *Thứ hai*, các làng xã kết hợp cả tập quán thiên thiên tước và vương tước nhưng vẫn trọng thiên tước hơn, người đỗ khoa trường sẽ được ngồi chiếu nhất. Một số ít phân chia vị thứ theo truyền thống trọng thiên tước, những người nhiều tuổi hơn sẽ được ngồi trên, ít tuổi ngồi dưới.

Tương ứng với những vị thứ ấy là phần biếu. Những người có chức tước phẩm hàm, các vị cao niên muốn có chỗ ngồi đẹp và phần biếu, trước đó mọi người phải có " giấy thông hành" chính là lễ khao vọng. Các làng xã Bắc Ninh có những cách phân chia lệ kính biếu như sau: *Thứ nhất*, nhóm các làng chia lệ kính biếu theo tập quán vương tước, theo đó phần biếu sẽ tương ứng với phẩm hàm, chức sắc, khoa mục,… của người được biếu. *Thứ hai*, một số ít làng chia lệ kính biểu theo tập quán thiên tước những người nhiều tuổi, thượng lão của làng được chia phần nhiều nhất sau đến các kỳ mục,chức dịch của làng.

3.8.5. Lệ vào ngôi hương ẩm

Các làng xã Bắc Ninh mặc dù không ghi chép chi tiết về quá trình vào ngôi hương ẩm nhưng qua các bản hương ước có thể rút ra một số nhận xét về việc vào ngôi hương ẩm như sau: *Thứ nhất*, về độ tuổi vào ngôi hương ẩm mỗi làng có quy định khác nhau. *Thứ hai*, về lễ vật vào ngôi hương ẩm, mỗi làng cũng đưa ra các quy định riêng, có làng yêu cầu nộp lễ vật là cau, trầu nhưng cũng có làng yêu cầu vừa phải nộp tiền vừa phải nộp cau…

3.8.6. Tiết lễ

Cũng giống như nhiều nội dung khác, mỗi làng có cách ghi chép khác nhau về các tiết lễ. Nhưng khái quát lại các làng xã đã đưa ra một số quy định về các tiết lễ như sau: *Thứ nhất*, về kinh phí chi cho các tiết lệ trong năm, hầu hết các làng đều dành một số ruộng nhất định gọi là "ruộng thần từ phật tự" để dùng vào các tiết lễ. *Thứ hai*, các làng đưa ra những quy định riêng trong các tiết lệ. Theo đó mỗi một tiết lệ sẽ do những đối tượng phụ trách và cách thức thực hiện khác nhau. *Thứ ba*, về chủ tế và các quy định trong tiết lễ, chỉ những người thuộc hàng " khoa mục chức sắc, hoặc kỳ cựu trong làng mới được làm xung làm tế chủ cho trọng sự thể". *Thứ tư,* về số lượng, tên gọi, ngày tổ chức các tiết lệ trong năm giữa các làng cũng không giống nhau. Các tiết lễ ở các làng xã diễn ra khá phong phú, mỗi làng có những tiết lệ, cách ghi chép, quy định riêng tạo nên sự đa dạng trong sinh hoạt văn hóa.

Tiểu kết chương 3: Cấu trúc nội dung của hương ước cải lương Bắc Ninh cơ bản là gồm hai phần chính trị và tục lệ, phản ánh tương đối đầy đủ về đời sống xã hội của làng xã Bắc Ninh. Phần chính trị chủ yếu gồm các nội dung về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa là phần thể hiện rõ nhất sự biến đổi về chính trị, kinh tế của làng xã qua từng đợt cải lương hương chính. Sự biến đổi này có lẽ thể hiện rõ nhất qua bộ máy quản lý làng xã và vấn đề ngân sách của làng xã. Với những nội dung khác nhìn chung sự thay đổi chủ yếu thể hiện ở cách thức ghi chép, cấu trúc và nội dung các điều khoản. Phần tục lệ gồm các phong tục, tập quán của làng xã, mỗi làng có quy định, cách thức ghi chép với những quy định khác nhau về hình thức, mục đích, số lượng… thể hiện đặc trưng văn hóa của từng làng xã. Tuy nhiên sự thay đổi qua từng đợt cải lương hương chính là không nhiều. Ở Bắc Ninh cũng có một số lượng lớn các làng xã không soạn hương ước theo cấu trúc mẫu của chính quyền thực dân. Điều này làm cho mọi hoạt động của làng xã Bắc Ninh được phản ánh đầy đủ, toàn diện hơn qua hương ước cải lương.

Chương 4
MỘT SỐ VẤN ĐỀ RÚT RA TỪ VIỆC NGHIÊN CỨU HƯƠNG ƯỚC CẢI LƯƠNG BẮC NINH

4.1. Mặt tích cực và hạn chế của hương ước cải lương BắcNinh

4.1.1. Mặt tích cực

4.1.1.1. Tính dân chủ

Phải thừa nhận rằng, những bản hương ước cải lương Bắc Ninh có một số quy định mang tính dân chủ so với chế độ phong kiến chuyên chế. Tính dân chủ thể hiện trước hết ở cơ chế tuyển cử Hội đồng tộc biểu, quy chế làm việc của Hội đồng, ở sự công khai, minh bạch trong quản lý ngân sách và tài sản của làng xã.

4.1.1.2. Tính giáo dục

Trong hương ước có nhiều quy định đã kế thừa của hương ước cổ và có tác dụng giáo dục người dân về ý thức và trách nhiệm giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe, bảo vệ tài sản của cộng đồng. Các quy định của hương ước về canh phòng có tác động lớn đến nhận thức của người dân về trách nhiệm trong việc bảo vệ trật tự trị an làng xóm, tinh thần vì cộng đồng. Những quy định về phong hóa, luân lý hương ước đã giáo dục người dân thực hiện nếp sống đúng luân thường và quy định của nhà nước, khuyến khích những việc làm cao cả vì làng xóm.

4.1.1.3. Hạn chế hủ tục

Trong các quy định của hương ước đã hạn chế các hủ tục như việc ăn uống, thực hành tiết kiệm trong các cuộc hội họp và các tục lệ của làng xã. Các hương ước theo cấu trúc mẫu đều quy định: khi hội họp xong phải giải tán ngay, cấm không được ngồi lâu mà bày ra cuộc tửu phiếm hoặc khi hội bàn về việc bổ thuế, chỉ được dùng trầu nước mà thôi cấm không được bày ra cỗ bàn gì cả. Ngoài ra, các hương ước cũng hạn chế bớt việc ăn uống linh đình tốn kém trong các dịp cưới xin, tang ma, khao vọng thay bằng việc nộp tiền "chiết can" cho vào công quỹ của làng, khuyến khích tổ chức đơn giản, gọn nhẹ, ít tốn kém

4.1.2. Mặt hạn chế

4.1.2.1. Tính khuôn mẫu

Chính cái khuôn mẫu chung của hương ước đã tạo ra sự cứng nhắc, không phù hợp với tập quán của các làng xã. Mặt khác mục đích của thực dân Pháp khi ban hành các bản hương ước mẫu không phải là giúp người dân bãi bỏ những hủ tục, giúp người dân có cuộc sống văn minh hơn mà là công cụ để thực hiện chính sách cải lương hương chính. Đó là nguyên nhận tạo ra sự chống đối của các làng xã. Vì vậy có thể nói hạn chế lớn nhất và cũng là nguyên nhân chính làm cho hương ước cải lương chưa được thực hiện rộng rãi trong các làng xã chính là tính khuôn mẫu và phục vụ ý đồ chính trị - mục đích thực dân của nhà nước bảo hộ.

4.1.2.2. Tính đẳng cấp

Trong các quy định của hương ước vẫn tồn tại những quy định thể hiện tính đẳng cấp, bất bình đẳng. Điều này được thể hiện rõ hơn qua các tục lệ. Tính đẳng cấp, bất bình đẳng được thể hiện qua sự phân biệt đối xử giữa dân chính cư và dân ngụ cư hay các làng phân

chia việc tang ma, việc khao vọng thành các hạng khác nhau hoặc qua các quy định về vị thứ đình trung và lệ kính biếu.

4.1.2.3. Một số tục lệ cổ

Trong hương ước vẫn còn một số tục lệ khá nặng nề, tốn kém cần phải bỏ. Thứ nhất là những quy định của làng về lệ vào ngôi hương ẩm. Thứ hai, lệ khao vọng vẫn tồn tại phổ biến ở các làng quê và là gánh nặng đối với tất cả mọi người. Mỗi người khi lên lão hoặc có phẩm hàm, chức vụ hay thăng chức, mãn khóa đều phải khao vọng. Nếu không khao vọng thì không được làng công nhận và không được hưởng quyền lợi gì cả. Một số làng vẫn quy định mức tiền nộp chiết can, tổ chức tiết lễ… khá nặng nề ảnh hưởng rất lớn đến ngân sách của làng xã và từng gia định.

4.2. Kết quả của cuộc cải lương hương chính qua văn bản hương ước cải lương Bắc Ninh

4.2.1. Những kết quả đạt được

4.2.1.1. Về bộ máy quản lý làng xã

Qua 3 đợt cải lương hương chính bộ máy quản lý làng xã bị biến đổi theo hướng tăng cường sự quản lý của thực dân Pháp, hạn chế bớt quyền lực của làng xã. Tính độc lập của làng xã với bộ máy quản trị bị chính sách cải lương hương chính tấn công liên tục.

Với Nghị định năm 1921, người Pháp đã loại bỏ cả con người lẫn thể chế do chế độ phong kiến tạo nên ra khỏi quyền quản trị các làng xã, tạo dựng bộ máy chính quyền mới ở xã thôn bằng cách thực hiện cơ chế tuyển cử và chịu sự giám sát chặt chẽ của người Pháp. Đến năm 1927, Thống sứ Bắc Kỳ đã ra Nghị định lập lại Hội đồng kỳ mục bên cạnh Hội đồng tộc biểu với tư cách cố vấn và giám sát bộ máy quản lý trị làng xã. Công sứ người Pháp vẫn sẽ kiểm soát và giám sát mọi chuyển biến và hoạt động của cả hai tổ chức này. Với Đạo dụ năm 1941, Hội đồng tộc biểu bị giải thể, Hội đồng kỳ mục là tổ chức hợp thức duy nhất trong việc quản trị làng xã. Cũng với Đạo dụ này thực dân Pháp đã đạt được mục đích đưa đám người do họ đào tào lên nắm quyền quản trị nông thôn và làm thay đổi bộ máy quản lý làng xã truyền thống - Hội đồng kỳ mục.

Thông qua những thay đổi về tiêu chuẩn để tham gia vào bộ máy quản lý làng xã, thực dân Pháp đã tạo dựng cho mình được đội ngũ tay sai đắc lực, phục vụ cho chính quyền thực dân.

Trước hết, thực dân Pháp đã biến Lý trưởng và bộ phận chức dịch nói chung thành công cụ đắc lực của mình trong việc chỉ đạo và điều khiển nông thôn. Nhằm tổ chức và quản lý nông thôn có hiệu quả, thực dân Pháp còn công khai đưa giai cấp địa chủ phong kiến đã được "tân học hóa" lên cương vị thống trị ở khắp miền nông thôn nước ta để thay thế cho tầng lớp nho học sĩ địa chủ hóa trước kia. Điều này được thể hiện rõ qua các quy định về tiêu chuẩn để được tuyển lựa vào cơ chế quản lý xã, đặc biệt là vào bộ phận quyết nghị của xã. Thông qua đó vừa khai thác, tận dụng được tài năng của lớp người này, vừa xây dựng và củng cố được chỗ dựa xã hội vững chắc cho chính quyền thuộc địa ở nông thôn.

4.2.1.2. Ngân sách, tài sản của làng xã

Đánh giá về mức độ kiểm soát của thực dân Pháp đối với các hoạt động của làng xã cũng có nhiều ý kiến khác nhau. Nhưng theo tác giả *mặc dù với cuộc cải lương hương chính thực dân*

Pháp không thể kiểm soát được toàn bộ các hoạt động của làng xã nhưng ở mức độ nhất định chính quyền thuộc địa đã cải cách được việc quản lý về ngân sách, tài sản của làng xã theo hướng tăng cường sự kiểm soát của chính quyền thực dân đối với hương thôn.

Để quản lý ngân sách của làng xã, chính quyền thực dân yêu cầu các làng phải lập sổ chi thu. Theo đó, toàn bộ hoạt động ngân sách hàng xã, sẽ phải chịu sự kiểm soát trực tiếp và thường xuyên của tất cả các cấp chính quyền từ phủ, huyện cho tới Công sứ chủ tỉnh. Ở Bắc Ninh có 69 hương ước có (48,9%) quy định việc lập sổ chi thu và thực hành sổ chi thu tuân theo quy định của chính phủ, 70 bản kê rõ tiền lương của từng hương chức trong xã cũng như tiền lộ phí của hương lý khi đi việc quan… Chính quyền thuộc địa còn yêu cầu các làng phải lập một quyển sổ biên rõ công sản của làng có những gì, phải kê rõ số lượng ruộng, mục đích cũng như cách thức sử dụng đối với số tài sản này trong hương ước.

4.2.1.3. Quản lý hương ước

Theo tác giả *với chính sách cải lương hương chính, với sự ra đời của hương ước cải lương người Pháp đã trực tiếp quản lý việc soạn thảo hương ước của các làng xã. Tính độc lập của làng xã qua việc soạn thảo hương ước đã không còn nguyên vẹn như trước đây.*

Để biến các điều khoản của Nghị định cải lương hương chính thành lệ làng để mọi người dân đều biết và bắt buộc phải thực hiện, chính quyền thực dân đã nghiên cứu và công bố một khuôn mẫu chung của hương ước bắt buộc các làng xã phải thực hiện. Như vậy làng xã không còn quyền lập hương ước như trước đây nữa. Nói cách khác, nhà nước đã nắm quyền quản lý trực tiếp trong việc soạn thảo hương ước.

Với Bắc Ninh, hương ước cải lương có cấu trúc mẫu gồm 91 điều và 32 khoản được chia làm 2 phần chính trị và tục lệ với trật tự, nội dung các điều khoản giống nhau. Mặt khác, việc quản lý của chính quyền thực dân đối với hương ước cũng được thực hiện khá chặt chẽ. Ngoài yêu cầu nội dung của hương ước không được trái với những quy định của nhà nước, các hương ước khi đã được làng khai báo phải có dấu và chữ ký của các chức dịch trong làng xã và đều phải nộp lên chính quyền cấp sở tại cấp trên xét duyệt. Vì vậy, hương ước cải lương phải có đủ chữ ký của Lý trưởng, Chánh hương hội và nhất thiết phải có dấu ấn và chữ ký của của tri huyện sở tại.

4.2.2. Những điều chưa làm được

4.2.2. Việc soạn hương ước

Theo tác giả hương ước cải lương *là một hình thức để các làng xã thể hiện sự phản ứng trước chính sách cải lương hương chính của chính quyền thực dân.* Sự phản ứng của các làng xã trước chính sách cải lương hương chính được thể hiện ở sự phân bố và số trang không đồng đều, ở sự khác nhau về số lượng, đối tượng được ký tên, đóng dấu. Thậm chí có nhiều bản không có chữ ký và con dấu của các chức dịch và của quan sở tại. Đặc biệt phần cấu trúc nội dung thể hiện rõ nhất sự phản ứng của các làng xã trước chính sách cải lương hương chính. Hương ước cải lương Bắc Ninh có 87 bản không theo cấu trúc nội dung của chính quyền thực dân, 14 bản theo cấu trúc mẫu nhưng không chép đầy đủ các nội dung theo văn bản mẫu.

Ngoài bản hương ước cải lương viết bằng chữ quốc ngữ theo mẫu, ở Bắc Ninh có hương ước làng Thọ Trai (Bắc Ninh) với tiêu đề *Thọ Trai thôn hương ước* (1927) được viết bằng chữ Hán Nôm không theo cấu trúc mẫu. Không những thế, ở Bắc Ninh có 23 bản (chiếm 16,31%) chỉ liệt kê các tục lệ của làng xã theo truyền thống trước đây.

Đây chính là những bằng chứng cho thấy sự phản ứng của các làng xã trước chủ trương cải lương của thực dân Pháp; đồng thời cũng thể hiện sự tồn tại dai dẳng, sức sống bền bỉ của tục lệ truyền thống.

4.2.2.2. Bộ máy quản lý làng xã

Qua ba lần cải cách, một mặt bộ máy quản lý làng xã Bắc Ninh bị biến dạng và thay đổi nhưng mặt khác cũng chính qua các lần cải cách, bộ máy quản lý làng xã truyền thống từng bước quay trở lại về mặt hình thức. Chỉ sau 6 năm vắng bóng bộ máy quản lý truyền thống - Hội đồng kỳ mục, thực dân Pháp không thể hoàn toàn điều hành hoạt động của làng xã chỉ với tổ chức Hội đồng tộc biểu và đã phải lập lại Hội đồng kỳ mục bên cạnh Hội đồng tộc biểu. Và sau 20 năm tiến hành với nhiều nỗ lực cố gắng nhưng cuối cùng (năm 1941) vẫn phải quay lại điểm xuất phát ban đầu của cuộc cải lương với sự trở lại của Hội đồng kỳ mục - cơ quan duy nhất điều hành mọi công việc của làng xã.

4.2.2.3. Quản lý hoạt động của làng xã

**Mặt hành chính của các làng xã*

Một số ít các làng xã Bắc Ninh vẫn tìm cách duy trì cách thức quản lý truyền thống. Trong các hương ước vẫn thấy quy định bầu cử Lý trưởng theo truyền thống - *do dân bầu* chứ không phải theo quy định của chính quyền thực dân. Đặc biệt có 45 bản hương ước không có những quy định về tổ chức, về cách thức bầu Hội đồng tộc biểu và Hội đồng kỳ mục theo các nghị định của quan Thống sứ Bắc Kỳ. Vào năm 1941, theo quy định Hội đồng tộc biểu bị giải thể nhưng nhiều làng xã Bắc Ninh (13 làng xã) vẫn còn tồn tại tổ chức này bên cạnh Hội đồng kỳ mục theo Nghị định năm 1927. Như vậy, ở Bắc Ninh vẫn có những làng xã không chịu tổ chức bộ máy quản trị theo chính sách cải lương hương chính.

**Ngân sách của làng xã*

Qua khảo sát, cho thấy việc thực hiện những quy định của chính quyền thực dân ở nhiều làng xã chỉ mang tính hình thức. Có rất nhiều làng xã, đã lập hương ước theo cấu trúc mẫu nhưng lại không kê cụ thể các nội dung theo yêu cầu hoặc có tên điều khoản nhưng lại không chép trong hương ước: Về sổ chi thu có 10 bản (chiếm 7,09%); về quân cấp công điền thổ có 20 bản (chiếm 14,18%); ruộng thần từ phật tự, hậu điền có 25 bản (chiếm 17,73%)… không ghi cụ thể làng có bao nhiêu. Với việc kê khai không đầy đủ, cụ thể như vậy thì chính quyền thực dân không thể hoàn toàn quản lý về ngân sách cũng như tài sản của làng xã.

4.3. Hương ước cải lương - sự kế thừa của hương ước cổ

Mặc dù ra đời vào thời gian Pháp tiến hành cải lương hương chính, theo yêu cầu của chính quyền thực dân nhưng hương ước cải lương vẫn có sự kế thừa của hương ước cổ cả về hình thức và nội dung.

Về hình thức, hương ước cải lương đã kế thừa mục lý do hay ý nghĩa của việc lập hay bổ sung hương ước của hương ước cổ. Hương ước cải lương Bắc Ninh có 64 bản có phần mở đầu nêu lý do, ý nghĩa của việc lập hương ước theo tinh thần cải lương hương chính và 38 bản có phần mở đầu theo cách thức của hương ước trước năm 1921.

Ngoài ra, hương ước cải lương cũng kế thừa một số yêu cầu về mặt hình thức của hương ước cổ như cuối bản hương ước phải ghi rõ ngày, tháng, năm soạn, họ tên chức danh, chữ ký, ấn chỉ của những người tham gia lập hương ước.

Về nội dung, hương ước cải lương kế thừa một số nội dung liên quan đến đời sống làng xã của hương ước cổ như: hình thức tập hợp người theo địa vị xã hội bao gồm 3 thiết chế lồng vào nhau là: dân hàng xã, Hội đồng kỳ mục (trong đợt 1 và đợt 2 của cải lương hương chính có thêm Hội đồng tộc biểu) và Hội đồng chức dịch; tinh thần giữ gìn trật tự trị an, an ninh thôn xóm, bảo vệ sản xuất nông nghiệp, bảo vệ môi trường, bảo vệ tài sản của làng, trách nhiệm vì cộng đồng; những quy định về việc bảo đảm các nghĩa vụ với nhà nước. Thậm chí hương ước cải lương còn kế thừa cả tính đẳng cấp, hiện tượng phân hạng cấp, bậc dân hàng xã và nhiều tục lệ của các hương ước trước đó.

Tiểu kết chương 4: Mặc dù ra đời trong cuộc cải lương hương chính và là công cụ để Pháp thực hiện ý đồ thực dân nhưng hương ước cải lương Bắc Ninh ẩn chứa nhiều giá trị tích cực và hạn chế. Vì vậy cần phải kế thừa và phát huy một cách chọn lọc những giá trị này. Cuộc cải tổ bộ máy hành chính làng xã mà đương thời gọi là cuộc cải lương hương chính được thực hiện ở Bắc Ninh vào những năm 20 của thế kỉ XX đã mang lại những kết quả nhất định bao gồm cả những cái đạt được và chưa được. Vì vậy cần phải đánh giá vấn đề một cách khoa học, toàn diện và khách quan. Hương ước cải lương là nguồn tài liệu quan trọng để đánh giá về vấn đề này. Tuy được soạn thảo theo văn bản mẫu của chính quyền thực dân nhưng hương ước cải lương vẫn có sự kế thừa của hương ước cổ về cả nội dung và hình thức, về cả những tư tưởng, nội dung tiến bộ và hạn chế cần phải kế thừa và phát huy.

KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu đề tài tác giả rút ra một số nhận xét sau:

1. Hương ước cải lương tỉnh Bắc Ninh (1921-1944) chính là sự cụ thể hóa các Nghị định, Đạo dụ được ban hành trong cuộc cải lương hương chính. Vì vậy nó tác động rất lớn đến đời đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của làng xã Bắc Ninh giai đoạn 1921-1944. Nội dung của hương ước cải lương Bắc Ninh, đặc biệt là phần chính trị, kinh tế đã thể hiện khá đầy đủ chính sách cải lương hương chính của thực dân Pháp trong hơn 20 năm. Trong cuộc cải lương hương chính, chính quyền thuộc địa đã khôn khéo đưa luật pháp của nhà nước bảo hộ vào hương ước của các làng xã. Với chính sách cải lương hương chính, với sự ra đời của hương ước cải lương người Pháp đã trực tiếp quản lý việc soạn thảo hương ước của các làng xã. Tính độc lập của làng xã qua việc soạn thảo hương ước đã không còn được như trước đây. Những quy định trong hương ước chính là tấm gương phản chiếu khá đầy đủ về sự thay

đổi mọi mặt của làng xã Bắc Ninh trước chính sách cải lương hương chính của chính quyền thực dân.

2. Qua mỗi đợt cải lương hương chính, cấu trúc nội dung của hương ước cải lương Bắc Ninh đều có sự thay đổi, mọi hoạt động của làng xã vì đó cũng có sự biến đổi. Sự thay đổi nhiều nhất, rõ nhất là ở nội dung bộ máy quản lý làng xã và sổ chi thu. Đối với những nội dung khác, sự thay đổi qua các đợt là không nhiều, chủ yếu là cách trình bày, cấu trúc nội dung các điều khoản trong hương ước. Mọi sự thay đổi chủ yếu nhằm hạn chế bớt vai trò quản lý của các làng xã, tăng cường vai trò của nhà nước bảo hộ. Ở mức độ nào đó, sự thay đổi này đã làm cho bộ máy quản trị xã thôn truyền thống bị biến đổi theo hướng tăng cường sự quản lý của thực dân Pháp, hạn chế bớt quyền lực của làng xã. Tính độc lập của làng xã với bộ máy quản trị bị chính sách cải lương hương chính tấn công liên tục. Những thay đổi về tiêu chuẩn để tham gia vào bộ máy quản lý làng xã đã giúp thực dân Pháp tạo dựng cho mình được đội ngũ tay sai đắc lực, phục vụ cho chính quyền thực dân. Bên cạnh đó, thực dân Pháp cũng tiến hành một số cải cách về việc quản lý ngân sách, tài sản làng xã theo hướng tăng cường sự kiểm soát của chính quyền thực dân đối với hương thôn. Thông qua đó có thể kiểm soát được một số hoạt động của các làng xã, kể cả nguồn tài chính, các hoạt động văn hóa, các sinh hoạt cộng đồng. Phần phong tục không phải là mục đích chính của cuộc cải lương hương chính nên qua từng đợt cải lương hương chính sự thay đổi không rõ, nhiều tục lệ cổ vẫn tồn tại. Tuy nhiên phải thừa nhận rằng với những quy định trong hương ước cải lương, một số phong tục, tập quán của làng xã đã thay đổi so với trước đây. Tính độc lập, tự trị của làng xã Việt Nam truyền thống ít nhiều đã bị phá vỡ và biến dạng.

3. Hương ước cải lương Bắc Ninh nói riêng và hương ước cải lương nói chung là công cụ để nhà nước bảo hộ thực hiện âm mưu thực dân. Để thực hiện cải lương hương chính, thực dân Pháp đã lợi dụng thế mạnh của hương ước để đưa các điều khoản của Nghị định cải lương hương chính vào nội dung của hương ước buộc các làng xã phải thực hiện. Vì vậy, trong hương ước cải lương phần mà chính quyền thực dân quan tâm nhất chính là phần chính trị. Khi nghiên cứu các bản hương ước, cho thấy nội dung của từng đợt cải lương hương chính được thể hiện rõ nhất ở phần này, bởi đó chính là mục đích của cuộc cải lương hương chính. Nếu bỏ qua mục đích phục vụ ý đồ thực dân, khách quan mà đánh giá các thay đổi về quy định trong phần này mang nhiều nội dung tiến bộ, dân chủ, ẩn chứa nhiều giá trị giáo dục… hơn là trong phần phong tục. Còn đối với phần phong tục, sự thay đổi chủ yếu dựa trên tinh thần giảm bớt các hủ tục như bỏ bớt việc ăn uống tốn kém thay bằng việc nộp tiền chiết can, bỏ một số hình phạt hà khắc,… Điều này cho thấy các tục lệ cổ vẫn còn ảnh hưởng khá sâu sắc trong các làng xã. Mọi sự thay đổi trong cải lương hương chính, hay soạn thảo hương ước chủ yếu làm cho đời sống làng xã có sự biến đổi theo hướng tăng cường sự quản lý của chính quyền thực dân. Mặt khác sự biến đổi này cũng mang lại sự tiến bộ nhất định cho làng xã trên một số mặt.

4. Hương ước cải lương Bắc Ninh vừa mang những đặc điểm chung vừa thể hiện đặc trưng quản lý riêng của từng làng xã. Để "thể chế hóa" chủ trương cải lương, thực dân Pháp

đã cho soạn thảo bản hương ước mẫu để các làng thống nhất vận dụng vào điều kiện cụ thể của làng mình. Trong thời gian diễn ra cải lương hương chính với 3 đợt cải cách, nhân dân Bắc Ninh đã phải lập ra các bản hương ước theo cấu trúc mẫu của chính quyền thực dân. Điều này đã làm cho hương ước cải lương có tính khuôn mẫu. Hương ước cải lương Bắc Ninh có cấu trúc mẫu chung gồm 32 khoản với 91 điều. Vì lập theo cấu trúc mẫu của chính quyền thuộc địa nên trong phần chính trị của các bản hương ước này không chỉ giống nhau về cấu trúc nội dung mà còn cả về các quy định cụ thể trong từng điều, khoản, sự khác nhau chỉ là những tiểu tiết rất nhỏ về số tài sản công, số ruộng đất, số tiền thưởng, tiền lương trả cho hương chức, tiền thu sương túc… Tuy nhiên, nếu nghiên cứu kĩ từng quy định trong từng khoản, vẫn thấy sự khác nhau giữa các làng xã, thể hiện đặc trưng quản lý riêng của từng xã thôn. Sự khác nhau không chỉ thể hiện ở số tiền trả cho các hương chức, số tiền thưởng cho những người có công với làng, hay về số lượng tài sản của làng xã, hay về thời hạn thưởng phạt của làng… mà còn thể hiện ở những quy định về hình thức thưởng, phạt khác nhau trong từng trường hợp, mục đích sử dụng công điền công thổ quân phân, hình thức quản lý và sử dụng đối với các ruộng đất và hồ ao công dân, đối với cách chi trả lương cho các chức dịch và tuần phiên trong làng xã,… Tính tự trị của từng làng xã còn được thể hiện sâu sắc hơn ở phần phong tục. Ở mỗi nội dung mỗi làng đều đưa ra những quy định khác nhau, với cách ghi chép khác nhau, tùy vào phong tục tập quán của các làng. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều quy định thể hiện tính đẳng cấp, bất bình đẳng.

5. Hương ước cải lương Bắc Ninh là một hình thức để các làng xã thể hiện sự phản ứng trước chính sách cải lương hương chính của chính quyền thực dân. Sau ba đợt cải lương hương chính, bộ máy quản lý làng xã truyền thống - Hội đồng kỳ mục đã từng bước quay trở lại và phát huy vai trò của nó đối với làng xã như 20 năm trước. Ngoài ra, Bắc Ninh còn có 88 bản hương ước cải lương không theo cấu trúc mẫu của tỉnh là 32 khoản với 91 điều; có 45 bản không có quy định về bầu Hội đồng tộc biểu hay Hội đồng kỳ mục theo quy định của nhà nước bảo hộ; 13 hương ước được lập vào đợt ba vẫn theo cấu trúc của đợt hai và vẫn có quy định về bầu Hội đồng tộc biểu; nhiều điều khoản trong hương ước vẫn theo cách thức quản lý của làng xã như quy định về bầu Lý trưởng, bầu Tiên chỉ, quy định về lập sổ chi thu, hay việc một số làng xã không kê khai đầy đủ các nội dung theo quy định của chính quyền thực dân về: Tiền lương cấp cho hương chức, về số tài sản, ruộng đất của làng xã.., hay việc một số hương ước dù theo cấu trúc mẫu của chính quyền thực dân vẫn kê khai thêm các quy định của làng, thậm chí có những bản chỉ liệt kê lại các tục lệ của làng… Đó chính là bằng chứng thể hiện sự ứng xử của các làng xã trước chính sách cải lương hương chính. Đồng thời khẳng định thực dân Pháp đã không hoàn toàn thành công trong việc quản lý các làng xã. Vì vậy, hương ước cải lương Bắc Ninh sẽ là nguồn tài liệu quan trọng để đánh giá kết quả thực hiện cải lương hương chính ở đây.

6. Hương ước cải lương Bắc Ninh có sự không đồng đều và không thống nhất, thể hiện mức độ thực hiện chủ trương cải lương hương chính của các làng xã là khác nhau.

Các bản hương ước này có sự không đồng đều về sự phân bố ở các huyện, phủ trong tỉnh, không đồng đều về số trang trong một bản hương ước, không đồng đều về con dấu và chữ ký, không đều đều về số lượng điều khoản, không thống nhất về cách thức ghi chép, các điều khoản, về cấu trúc nội dung, số lượng hương ước được lập vào các đợt cải lương hương chính cũng không đều nhau,… Sự không đồng đều và không thống nhất giữa các bản hương ước chính là bằng chứng thể hiện sự phản ứng, mức độ thực hiện chính sách cải lương hương chính ở các làng xã là khác nhau. Mặc khác cũng thể hiện trình độ, nhận thức, quan niệm của những người được giao nhiệm vụ soạn thảo hương ước ở các làng là không giống nhau.

7. Hương ước cải lương Bắc Ninh ra đời do chính sách cải lương hương chính của chính quyền thực dân, được coi là công cụ phục vụ đắc lực cho mục tiêu thực dân nhưng nó vẫn có sự kế thừa của hương ước cổ về cả nội dung và hình thức, về cả những tư tưởng, nội dung tiến bộ và hạn chế, vẫn là nguồn tư liệu lịch sử quan trọng, có giá trị nghiên cứu trên nhiều phương diện. Những kết quả đạt được và chưa được của chính sách cải lương hương chính trong việc tổ chức và quản lý làng xã Bắc Kỳ nói chung và Bắc Ninh nói riêng trong hơn 20 năm cũng ít nhiều để lại cho chúng ta những gợi ý và những bài học thiết thực trong công cuộc xây dựng và phát triển nông thôn mới theo tinh thần của Đảng và Nhà nước. Những mặt tích cực và hạn chế rút ra từ hương ước cải lương tỉnh Bắc Ninh là những giá trị không gì có thể thay thế mà chúng ta cần kế thừa và phát huy một cách chọn lọc trong bối cảnh đất nước hiện nay.

Mặc dù tác giả đã hết sức cố gắng nhưng do năng lực bản thân, điều kiện còn hạn chế và trong khuôn khổ của luận án tiến sĩ nên luận án cũng chưa đi sâu nghiên cứu về sự khác nhau giữa hương ước cải lương tỉnh Bắc Ninh với các tỉnh khác ở đồng bằng Bắc Bộ. Ngoài ra, trong quá trình làm luận án tác giả cũng chưa có cơ hội đi thực địa ở các địa bàn ngoài tỉnh, chưa phỏng vấn được các nhân chứng có liên quan. Đó sẽ là những gợi ý, định hướng để tác giả tiếp tục nghiên cứu.